

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-32

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Huy Dạm	Ủy viên
Ông Trịnh Trung Chính	Ủy viên
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Ngát	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thùy Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Hà	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2013

105-2
NG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TU
CHÍNH KẾ
KIỂM T
DANKIE



Số: 102/2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 21 tháng 02 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0725/KTV

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.810.462.484	91.575.578.539
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.371.742.577	3.030.602.392
111	1. Tiền		371.742.577	830.602.392
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	2.200.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	43.624.191.900	28.738.860.200
121	1. Đầu tư ngắn hạn		65.869.002.262	67.890.826.057
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(22.244.810.362)	(39.151.965.857)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	45.074.715.592	57.655.605.575
131	1. Phải thu của khách hàng		100.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		65.000.350	247.399.750
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		46.447.263.634	58.922.460.756
138	5. Các khoản phải thu khác		839.749.862	823.478.748
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.377.298.254)	(2.337.733.679)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.739.812.415	2.150.510.372
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		468.860.886	893.405.564
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.251.270.075	1.251.270.075
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	19.681.454	5.834.733
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.303.916.374	9.465.667.231
220	II. Tài sản cố định		4.769.340.846	5.881.870.648
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.454.596.347	4.698.742.570
222	- Nguyên giá		6.876.662.314	7.340.157.435
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.422.065.967)	(2.641.414.865)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.314.744.499	1.183.128.078
228	- Nguyên giá		3.205.121.230	2.472.998.730
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.890.376.731)	(1.289.870.652)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.015.000.000	790.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		1.015.000.000	790.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.519.575.528	2.793.796.583
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	287.193.462
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.480.651.870	1.335.714.401
268	4. Tài sản dài hạn khác		38.923.658	1.170.888.720
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		100.114.378.858	101.041.245.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		800.655.444	2.139.609.975
310	I. Nợ ngắn hạn		800.655.444	2.139.609.975
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	841.549.500
313	3. Người mua trả tiền trước		-	50.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	234.274.387	181.062.103
315	5. Phải trả người lao động		262.462.380	240.020.639
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	351.488.644	874.547.700
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(47.569.967)	(47.569.967)
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		99.313.723.414	98.901.635.795
410	I. Vốn chủ sở hữu		99.313.723.414	98.901.635.795
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	135.289.000.000	135.289.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(36.726.276.586)	(37.138.364.205)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		100.114.378.858	101.041.245.770

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		258.485.490.000	304.838.500.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		253.554.140.000	302.625.000.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		12.107.570.000	33.570.760.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		239.077.570.000	266.919.240.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.369.000.000	2.135.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		4.931.350.000	2.213.500.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		4.931.350.000	2.213.500.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		7.531.800.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		7.531.800.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		880.340.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		6.651.460.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		10.410.000.000	1.000.000.000


Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	7.646.629.642	12.431.409.818
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.127.165.028	1.649.706.334
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		300.265.085	1.788.376.298
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		300.000.000	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		50.000.000	71.636.364
01.9	Doanh thu khác		5.869.199.529	8.921.690.822
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	7.646.629.642	12.431.409.818
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(2.166.533.220)	35.908.380.637
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		9.813.162.862	(23.476.970.819)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	9.010.965.533	14.240.554.505
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		802.197.329	(37.717.525.324)
31	8. Thu nhập khác		5.850.000	183.515.402
32	9. Chi phí khác		395.959.710	282.084.136
40	10. Lợi nhuận khác		(390.109.710)	(98.568.734)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		412.087.619	(37.816.094.058)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>412.087.619</u>	<u>(37.816.094.058)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	30	(2.795)



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		412.087.619	(37.816.094.058)
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.631.483.592	1.332.085.212
03	- Các khoản dự phòng		(16.867.590.920)	31.176.687.607
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.667.539.719)	(8.921.690.822)
06	- Chi phí lãi vay		47.848.864	1.249.714.203
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(20.443.710.564)	(12.979.297.858)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.678.362.021	42.680.739.402
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		27.021.823.795	(33.769.572.147)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(497.405.031)	(1.328.419)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		711.738.140	(564.135.554)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(47.848.864)	(1.249.714.203)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(32.344.908)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.170.888.720	108.263.250
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(183.861.127)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		20.409.987.090	(5.807.390.437)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(794.783.500)	(1.714.617.673)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	183.515.402
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25.000.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(225.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.792.486.095	8.921.690.822
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.227.297.405)	7.390.588.551
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	289.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.009.408.500	54.341.944.200
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.850.958.000)	(56.500.394.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(841.549.500)	(1.869.450.500)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(658.859.815)	(286.252.386)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		3.030.602.392	3.316.854.778
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>2.371.742.577</u>	<u>3.030.602.392</u>


Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng

Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2013

Năm 2012

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	289.000.000	-	135.289.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		677.729.855	(37.816.094.060)	-	(37.138.364.205)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	136.428.729.855	(37.527.094.060)	-	98.901.635.795

Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.289.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn). Tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.



Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
Của Công ty Chứng khoán	22.775.570	608.874.022.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	22.775.570	608.874.022.000
Của người đầu tư	464.216.734	12.792.313.288.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	464.216.734	12.792.313.288.000
	<u>486.992.304</u>	<u>13.401.187.310.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	173.471	6.324.427
Tiền gửi ngân hàng	191.604.216	147.452.674
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	179.964.890	676.825.291
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	2.200.000.000
	<u>2.371.742.577</u>	<u>3.030.602.392</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Đầu năm		Đầu năm		Đầu năm		Đầu năm		Đầu năm	
	Cuối năm	VND	Cuối năm	VND	Cuối năm	VND	Cuối năm	VND	Cuối năm	VND
1. Chứng khoán thương mại										
Cổ phiếu	2.251.757	4.391.794	40.869.002.262	67.890.826.057	1.401.100	-	(22.244.810.362)	(39.151.965.857)	18.625.593.000	28.738.860.200
- ACB	76	-	-	-	1.238.800	-	-	-	1.238.800	-
- GGG	96	160.096	1.277.792	2.361.203.525	-	-	(1.172.192)	(1.928.944.325)	105.600	432.259.200
- PVX	-	100.000	-	1.328.553.637	-	-	-	(658.553.637)	-	670.000.000
- QCG	90.000	96.310	2.059.208.092	2.203.581.459	-	-	(1.402.208.092)	(913.027.459)	657.000.000	1.290.554.000
- SAM	-	487.800	-	4.875.388.672	-	-	-	(2.777.848.672)	-	2.097.540.000
- SSI	-	100.000	-	2.304.536.756	-	-	-	(934.536.756)	-	1.370.000.000
- SRC	11	-	-	-	157.300	-	-	-	157.300	-
- VCS	138	81	1.895.581	1.855.581	-	-	(460.381)	(988.881)	1.435.200	866.700
- VFMVF4	962.390	1.780.000	9.626.664.320	17.978.000.000	-	-	(5.392.148.320)	(12.282.000.000)	4.234.516.000	5.696.000.000
- VSG	5	-	-	-	5.000	-	-	-	5.000	-
- TDH	70.000	119.000	2.197.568.486	3.735.866.427	-	-	(1.350.568.486)	(2.409.016.427)	847.000.000	1.326.850.000
- PMT	-	55.000	-	900.000.000	-	-	-	(658.000.000)	-	242.000.000
- HBB	-	228.200	-	2.282.000.000	-	-	-	(1.323.560.000)	-	958.440.000
- MB	7	142.463	87.991	2.937.540.000	-	-	(491)	(1.384.693.300)	87.500	1.552.846.700
- NOSCO	88.034	81.844	788.725.500	788.725.500	-	-	(665.477.900)	(620.796.400)	123.247.600	167.929.100
- BLIC	13.000	13.000	145.000.000	145.000.000	-	-	(20.200.000)	-	124.800.000	145.000.000
- DVCK	20.000	20.000	320.000.000	320.000.000	-	-	(250.000.000)	(260.000.000)	70.000.000	60.000.000
- SDF	3.000	3.000	123.574.500	123.574.500	-	-	(87.574.500)	-	36.000.000	123.574.500
- BDSDK	5.000	5.000	105.000.000	105.000.000	-	-	(75.000.000)	-	30.000.000	105.000.000
- PVCI	1.000.000	1.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)	12.500.000.000	12.500.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn										
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	25.000.000.000	-	-	-	-	-	25.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.251.757	4.391.794	65.869.002.262	67.890.826.057	1.401.100	-	(22.244.810.362)	(39.151.965.857)	43.625.593.000	28.738.860.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠNG

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập	
	Tổng số VND		Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số khó đòi VND
1. Phải thu của khách hàng								
- Phải thu dịch vụ tư vấn	-	-	-	-	250.000.000	150.000.000	100.000.000	-
2. Trả trước cho người bán								
- Trả trước cho công ty Fitech	247.399.750	-	-	-	250.000.000	150.000.000	100.000.000	-
- Trả trước cho công ty Đại An	247.399.750	-	-	-	198.400.600	380.800.000	65.000.350	-
- Trả trước cho công ty Đại An	-	-	-	-	173.400.600	380.800.000	40.000.350	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán								
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	58.922.460.756	-	-	-	25.000.000	-	25.000.000	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	58.922.460.756	-	-	-	527.762.181.683	540.237.378.805	46.447.263.634	2.377.298.254
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	29.413.819	-	-	-	527.762.181.683	540.237.378.805	46.447.263.634	2.377.298.254
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	3.675.926.250	-	-	-	759.281.277	669.093.839	119.601.257	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	51.439.107.990	-	-	-	124.023.213.151	127.193.026.798	506.112.603	-
- Phải thu tiền vay mua thiếu tiền ngày T	3.778.012.697	-	-	-	239.037.190.401	246.990.185.691	43.486.112.700	1.659.775.510
5. Các khoản phải thu khác								
- Kinh phí công đoàn	823.478.748	-	-	-	163.942.496.854	165.385.072.477	2.335.437.074	717.522.744
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	-	-	665.271.114	649.000.000	839.749.862	-
- Phải thu hợp đồng Repo	425.000.000	-	-	-	1.387.780	-	1.387.780	-
- Phải thu khác	398.478.748	-	-	-	150.883.334	-	150.883.334	-
TỔNG CỘNG	59.993.339.254	-	2.337.733.679	528.875.853.397	541.417.178.805	47.452.013.846	2.377.298.254	(2.377.298.254)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075	1.251.270.075
	<u>1.251.270.075</u>	<u>1.251.270.075</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	14.481.454	634.733
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.200.000	5.200.000
	<u>19.681.454</u>	<u>5.834.733</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	6.041.894.449		1.118.800.000		179.462.986		7.340.157.435
Số tăng trong năm	62.661.000		-		-		62.661.000
- Mua sắm mới	62.661.000		-		-		62.661.000
Số giảm trong năm	(526.156.121)		-		-		(526.156.121)
- Thanh lý, nhượng bán	(526.156.121)		-		-		(526.156.121)
Số dư cuối năm	5.578.399.328		1.118.800.000		179.462.986		6.876.662.314
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	2.025.665.382		536.091.667		79.657.816		2.641.414.865
Số tăng trong năm	877.355.573		139.850.000		13.771.940		1.030.977.513
- Trích khấu hao	877.355.573		139.850.000		13.771.940		1.030.977.513
Số giảm trong năm	(250.326.411)		-		-		(250.326.411)
- Thanh lý, nhượng bán	(250.326.411)		-		-		(250.326.411)
Số dư cuối năm	2.652.694.544		675.941.667		93.429.756		3.422.065.967
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	4.016.229.067		582.708.333		99.805.170		4.698.742.570
Số dư cuối năm	2.925.704.784		442.858.333		86.033.230		3.454.596.347

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	2.472.998.730
Số tăng trong năm	732.122.500
- Mua sắm mới	732.122.500
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	3.205.121.230
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.289.870.652
Số tăng trong năm	600.506.079
- Trích khấu hao	600.506.079
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	1.890.376.731
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	1.183.128.078
Số dư cuối năm	1.314.744.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
4. Đầu tư dài hạn khác	67.500	45.000	1.015.000.000	790.000.000	-	-	-	-	1.015.000.000	790.000.000
- Trái phiếu chuyển đổi nhà Thù Đức	-	-	340.000.000	340.000.000	-	-	-	-	340.000.000	340.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Sức Khỏe Việt	67.500	45.000	675.000.000	450.000.000	-	-	-	-	675.000.000	450.000.000
TỔNG CỘNG	67.500	45.000	1.015.000.000	790.000.000	-	-	-	-	1.015.000.000	790.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.061.385.014	1.061.385.014
Tiền lãi	299.266.856	154.329.387
Số dư cuối năm	1.480.651.870	1.335.714.401

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	37.382.686	37.382.686
Thuế Thu nhập cá nhân	43.576.837	9.771.837
Các loại thuế khác	153.314.864	133.907.580
	234.274.387	181.062.103

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	35.400.220
Bảo hiểm xã hội	-	26.520.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.964.890	676.825.291
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.223.754	104.502.189
	351.488.644	874.547.700

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011					
Số dư đầu năm	135.000.000.000	306.000.000	445.000.000	677.729.855	136.428.729.855
Tăng vốn trong năm	289.000.000	-	-	-	289.000.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	(37.816.094.060)	(37.816.094.060)
Số dư cuối năm	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(37.138.364.205)	98.901.635.795
NĂM 2012					
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	412.087.619	412.087.619
Số dư cuối năm	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(36.726.276.586)	99.313.723.414

105
G T
M H
U T
NH K
M T
KIEM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.289.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	135.289.000.000	135.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	289.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	135.289.000.000	135.289.000.000

c) Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.528.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.528.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.900	13.528.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	7.646.629.642	12.431.409.818
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.127.165.028	1.649.706.334
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	300.265.085	1.788.376.298
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	300.000.000	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	50.000.000	71.636.364
- Doanh thu khác	5.869.199.529	8.921.690.822
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	7.646.629.642	12.431.409.818

17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	935.466.296	87.390.114
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.758.733.405	3.432.404.405
Chi phí dự phòng	(16.907.155.495)	28.838.953.928
Chi phí khác	47.848.864	1.249.714.203
Chi phí trực tiếp chung	1.998.573.710	2.299.917.987
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	27.156.830	138.357.640
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.925.653.305	2.161.560.347
- Chi phí khác bằng tiền	45.763.575	-
	(2.166.533.220)	35.908.380.637

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.753.193.379	3.936.659.348
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	536.143.091	331.463.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.631.483.592	1.332.085.211
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	39.564.575	2.337.733.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.746.953.153	5.555.519.959
Chi phí khác bằng tiền	300.627.743	744.092.757
	9.010.965.533	14.240.554.505

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	412.087.619	(37.816.094.058)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(37.816.094.058)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(37.816.094.058)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(37.404.006.439)	(37.816.094.058)
- Thu nhập tính thuế còn lại	(37.404.006.439)	(37.816.094.058)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	412.087.619	(37.816.094.058)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	412.087.619	(37.816.094.058)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.528.900	13.527.868
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(2.795)

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.371.742.577	-	3.030.602.392	
Phải thu khách hàng	100.000.000	-	-	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	46.447.263.634	(2.377.298.254)	58.922.460.756	(2.337.733.679)
Phải thu khác	839.749.862	-	823.478.748	-
Đầu tư ngắn hạn	65.869.002.262	(22.244.810.362)	67.890.826.057	(39.151.965.857)
Đầu tư dài hạn	1.015.000.000	-	790.000.000	-
	116.642.758.335	(24.622.108.616)	131.457.367.953	(41.489.699.536)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	841.549.500
Phải trả khác	351.488.644	874.547.700
	351.488.644	1.716.097.200

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.371.742.577	-	-	2.371.742.577
Phải thu khách hàng	100.000.000	-	-	100.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	44.069.965.380	-	-	44.069.965.380
Phải thu khác	839.749.862	-	-	839.749.862
Đầu tư ngắn hạn	43.624.191.900	-	-	43.624.191.900
Đầu tư dài hạn	-	1.015.000.000	-	1.015.000.000
	91.005.649.719	1.015.000.000	-	92.020.649.719
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.602.392	-	-	3.030.602.392
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	56.584.727.077	-	-	56.584.727.077
Phải thu khác	823.478.748	-	-	823.478.748
Đầu tư ngắn hạn	28.738.860.200	-	-	28.738.860.200
Đầu tư dài hạn	-	790.000.000	-	790.000.000
	89.177.668.417	790.000.000	-	89.967.668.417

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại 31/12/2012				
Phải trả khác	351.488.644	-	-	351.488.644
	<u>351.488.644</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>351.488.644</u>
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	841.549.500	-	-	841.549.500
Phải trả khác	874.547.700	-	-	874.547.700
	<u>1.716.097.200</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.716.097.200</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

23 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tư doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Lĩnh vực khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.127.165.028	300.265.085	5.869.199.529	350.000.000	7.646.629.642	-	7.646.629.642
Chi phí trực tiếp	935.466.296	(5.148.422.090)	-	2.046.422.574	(2.166.533.220)	-	(2.166.533.220)
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	9.401.075.243	-	9.401.075.243
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	191.698.732	5.448.687.175	5.869.199.529	(1.696.422.574)	412.087.619	-	412.087.619
Tài sản bộ phận	46.224.459.741	44.639.191.900	-	-	90.863.651.641	-	90.863.651.641
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	9.250.727.217	-	9.250.727.217
Tổng tài sản					100.114.378.858	-	100.114.378.858
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	800.655.444	-	800.655.444
Tổng nợ phải trả					800.655.444	-	800.655.444

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng (chuyển nhượng cổ phiếu)		
- Công ty TNHH Vàng An Phát	-	25.500.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu		
- Công ty TNHH Vàng An Phát	4.000.000.000	24.700.507.990
Phải trả		
- Công ty TNHH Vàng An Phát	466.062	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	822.994.400	832.375.000

Giám đốc Công ty TNHH Vàng An Phát là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán An Phát.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2013